TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Lê Thị Khanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cẩm G, sinh năm 1995. Số CCCD: 096195000124 ngày 03/5/2023. Thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ở: 69/1A ấp A, xã T, huyện H, (nay là xã X) Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1977. Số CCCD: 026077002851 cấp ngày 13/8/2021. Thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ở: 69/1A ấp A, xã T, huyện H (nay là xã X) Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm G trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông Phạm Văn M chung sống và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 03 tháng 4 năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2018 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi kết hôn vợ chồng không hạnh phúc, kể từ năm 2021 ông M thường xuyên đi đánh bạc bỏ bê gia đình, không làm trong trách nhiệm người chồng, người cha, ông M không lo cho gia đình, không cùng bà chăm sóc con cái, mọi

thứ trong gia đình chỉ có mình bà lo. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông M vẫn không thay đổi, ông M vẫn tiếp tục đánh bạc, có khi sang campuchia để đánh, sau đó ông M hứa bỏ đánh bạc nhưng đến nay vẫn chứng nào tật đó. Năm 2019, bà đã nộp đơn ly hôn với ông M tại Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng sau đó Tòa án hòa giải nên bà cho ông M cơ hội để sửa đổi nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nhận thấy vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Nguyện vọng muốn ly hôn với ông Phạm Văn M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quang K, sinh ngày 30/8/2018. Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải do vắng mặt bị đơn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nhưng hiện tại ông M dắt con về quê nên bà đồng ý để ông M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Quang K, bà không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn M trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông M thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà G trình bày là đúng. Ông M thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà G có xảy ra mâu thuẫn nhưng là những chuyện thường ngày trong gia đình không phải là mâu thuẫn trầm trọng. Ông M xác định vẫn còn thương bà G và có nguyện vọng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, ông không đồng ý ly hôn với bà G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quang K, sinh ngày 30/08/2018. Ông yêu cầu được nuôi con; không yêu cầu bà G cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Cẩm G khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với ông Phạm Văn M. Đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông Phạm Văn M là bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện H (nay là xã X) Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phạm Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228

và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Cẩm G và ông Phạm Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2018 ngày 03/4/2018 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Cẩm G và ông Phạm Văn M là hôn nhân hợp pháp.

Bà G trình bày: Trong quá trình chung sống, bà và ông M thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông M không quan tâm đến gia đình, đi đánh bài; bà đã từng nộp đơn xin ly hôn ở Tòa án nhưng vì mong muốn gia đình đoàn tụ nên bà đã rút đơn nhưng ông vẫn không thay đổi. Các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng, ngột ngạt. Bà và ông M đã ly thân từ tháng 09/2024 cho đến nay, hai bên không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nếu tiếp tục sống chung thì không còn hạnh phúc. Hiện nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà G không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông M nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn M.

Phía ông M trình bày vẫn còn thương bà G và không muốn con sống xa cha hay xa mẹ, do đó ông M mong muốn đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà G và ông M có xảy ra mâu thuẫn, do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà G và ông M ly thân nhau từ tháng 09/2024 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án hòa giải để tạo sự hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng hai bên đã không có phương hướng, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Phía ông M mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện ông M không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà G là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quang K, sinh ngày 30/8/2018. Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải do vắng mặt bị đơn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nhưng hiện tại bà cho biết, ông M đã dắt con về quê ở Vĩnh Phúc nên bà đồng ý để ông M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Quang K, bà không cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm ngưng nghĩa vụ cấp dương nuôi con đối với bà G cho đến khi ông M có yêu cầu

[6] Về chia tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ dân sự chung : Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm G phải chịu án phí trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Cẩm G và ông Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quang K, sinh ngày 30/8/2018 cho ông Phạm Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm ngưng nghĩa vụ cấp dương nuôi con đối với bà G cho đến khi ông M có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Cẩm G chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047855 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ tiền án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thương

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Hồng, tỉnh Phú Thọ) (Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2018, ngày 03/4/2018)
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thương